

Số: 1726/QĐ-UBND

Đồng Xoài, ngày 19 tháng 6 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt đề cương, dự toán chi phí và hình thức lựa chọn nhà thầu
Hạng mục: Cắm mốc ranh, đo vẽ bản đồ địa chính phạm vi GPMB công trình
xây dựng tuyến đường giao thông nối liền khu tái định cư 80 ha với QL14
thuộc hợp phần bồi thường và tái định cư dự án thủy lợi Phước Hòa

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 58/2008/NĐ-CP ngày 05/5/2008 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu theo Luật Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 62/2007/QĐ-UBND ngày 04/12/2007 của UBND tỉnh ban hành quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 211/TTr-SNN ngày 12/6/2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đề cương, dự toán chi phí và hình thức lựa chọn nhà thầu hạng mục: Cắm mốc ranh, đo vẽ bản đồ địa chính phạm vi GPMB công trình xây dựng tuyến đường giao thông nối liền khu tái định cư 80 ha với QL14, thuộc hợp phần bồi thường và tái định cư dự án thủy lợi Phước Hòa, với các nội dung chính như sau:

1. Tên hạng mục: Cắm mốc ranh, đo vẽ bản đồ địa chính phạm vi GPMB công trình xây dựng tuyến đường giao thông nối liền khu tái định cư 80 ha với QL14, thuộc hợp phần bồi thường và tái định cư dự án thủy lợi Phước Hòa.

2. Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách nhà nước (nguồn kinh phí bồi thường, tái định cư dự án thủy lợi Phước Hòa).

4. Dự kiến thời gian thực hiện: Năm 2009.

5. Nội dung, khối lượng công việc:

- Cắm mốc ranh phạm vi GPMB (BTCT): 52 mốc

- Xây dựng điểm địa chính II: 2 điểm
- Đo nối điểm địa chính II bằng công nghệ GPS: 2 điểm
- Đo vẽ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/2000: 6,5 ha

6. Dự toán chi phí: 48.481.439 đồng.

(Bằng chữ: Bốn mươi tám triệu, bốn trăm tám mươi một ngàn, bốn trăm ba chín đồng).

Trong đó:

- Chi phí cắm mốc ranh, đo vẽ bản đồ địa chính: 45.321.439 đồng
- Chi phí tư vấn: 3.160.000 đồng.

(Có dự toán chi tiết kèm theo).

Các chi phí trên là tạm tính. Khi thanh quyết toán căn cứ vào kết quả thực hiện được nghiệm thu và các quy định hiện hành của Nhà nước.

7. Tổ chức thực hiện:

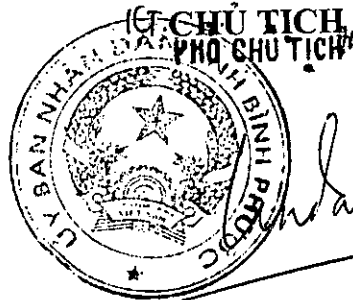
- Chi phí cắm mốc ranh, đo vẽ bản đồ địa chính: Chỉ định thầu đơn vị tư vấn.
- Chi phí tư vấn: Chủ đầu tư tự thực hiện.

Điều 2. Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện các bước tiếp theo theo đúng quy định hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Kho bạc Nhà nước Bình Phước, Chủ tịch UBND huyện Chơn Thành, Chủ đầu tư và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- CT, PCT;
- Như điều 3;
- LĐVP, CV: SX (T165);
- Lưu: VT.



Bùi Văn Danh

**DỰ TOÁN CẮM MỐC RANH, ĐO VẼ BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH PHẠM VI GPMB CÔNG TRÌNH
XÂY DỰNG/TUYỂN ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI LIÊN KHU TÁI ĐỊNH CƯ 80 HA VỚI QL 14
THUỘC HỢP PHÂN BỒI THƯỜNG VÀ TÁI ĐỊNH CƯ DỰ ÁN THỦY LỢI PHƯỚC HÒA**
(Kèm theo Quyết định số: *176* /QĐ-UBND ngày *19/ 6* /2009 của UBND tỉnh)

Stt	Hạng mục công việc	Diễn giải	Thành tiền (đồng)
1	Chi phí cắm mốc ranh, đo vẽ bản đồ địa chính		45.321.439
	- Chi phí cắm mốc ranh	Bảng tính	28.845.070
	- Chi phí đo vẽ bản đồ địa chính	Bảng tính	16.476.368
2	Chi phí tư vấn		3.160.000
	- Chi phí lập dự toán cắm mốc, đo vẽ bản đồ địa chính	Bảng tính	390.000
	- Chi phí lập hồ sơ yêu cầu và phân tích đánh giá hồ sơ đề xuất	Bảng tính	640.000
	- Chi phí giám sát đo vẽ bản đồ	Bảng tính	2.130.000
	Tổng chi phí		48.481.439

Bằng chữ: Bốn mươi tám triệu, bốn trăm tám mươi một ngàn, bốn trăm ba mươi chín đồng

1. Dự toán chi tiết **cắm mốc ranh phạm vi GPMB**

Mã hiệu	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Loại địa hình	Khối lượng	Đơn giá			Thành tiền (đồng)		
					VL	NC	M	VL (a)	NC (b)	M ©
T1	Cắm mốc ranh phạm vi GPMB (BTCT)	mốc	IV	52	60.039	145.968		3.122.028	7.590.336	
Tổng cộng								3.122.028	7.590.336	

Ghi chú: Hệ số điều chỉnh chi phí nhân công NC = 1,8516.

Stt	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Thành tiền (đồng)
1	Chi phí vật liệu (a)	VL		3.122.028
2	Chi phí nhân công (b)	NC	$1,543 \times 1,2 \times NC (b)$	14.054.266
3	Chi phí nhân công (c)	M		-
4	Chi phí trực tiếp	T	$T = VL + NC + M$	17.176.294
5	Chi phí chung	C	$C = 70\% \times NC$	5.313.235
6	Thu nhập chịu thuế tính trước	TH	$TH = 6\% \times (T+C)$	1.349.372
7	Cộng chi phí trực tiếp	TT	$TT = T + C + TH$	23.838.901
8	Lập hồ sơ báo cáo	L	$L = 5\% \times TT$	1.191.945
9	Chi phí chỗ ở tạm	D	$D = 5\% \times TT$	1.191.945
10	Giá trị dự toán cắm mốc trước thuế	G	$G = TT + L + D$	26.222.791
11	Thuế VAT	VAT	$VAT = 10\% \times G$	2.622.279
	Tổng chi phí cắm mốc sau thuế			28.845.070

2. Dự toán đo vẽ bản đồ địa chính

Stt	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng	Loại KK	Đơn giá	Thành tiền (đồng)
1	Xây dựng điểm địa chính II	điểm	2	KK 4	2.792.488	5.584.976
2	Đo nối điểm địa chính II bằng công nghệ GPS	điểm	2	KK 4	1.315.711	2.631.422
3	Đo vẽ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/2000	ha	6,5	KK 4	920.192	5.981.248
Tổng cộng						14.197.646
	Chi phí chịu thuế tính trước: $5,5\% \times (1 + 2 + 3)$					780.871
	Giá trị trước thuế					14.978.517
	Thuế VAT (10%)					1.497.852
	Giá trị sau thuế					16.476.368
Tổng chi phí						45.321.439

ANG CHỈ PHÁP LẬP HỒ SƠ

Chỉ dùng chỉ pháp lập hồ sơ

STT	Nội dung chi phí	Diễn giải	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
I. Chi phí lập dự toán cầm mốc, đo vẽ bản đồ địa chính						390.000
1	Chi phí lập đề cương và dự toán	70.000 đồng/người/công x 2 người x 1 công	công	2	70.000	140.000
2	Chi phí in ấn, photo và đóng tập	5 cuốn x 50.000 đồng/cuốn	cuốn	5	50.000	250.000
II. Chi phí lập hồ sơ yêu cầu và phân tích đánh giá hồ sơ đề xuất						640.000
1	Chi phí soạn thảo hợp đồng	70.000 đồng/người/công x 2 người x 1 công	công	2	70.000	140.000
2	Chi phí in ấn, photo và đóng tập hợp đồng	10 cuốn x 50.000 đồng/cuốn	cuốn	10	50.000	500.000
III. Chi phí giám sát cầm mốc, đo vẽ bản đồ địa chính						2.130.000
1	Chi phí kiểm tra hồ sơ	70.000 đồng/người/công x 2 người x 2 công	công	4	70.000	280.000
2	Thuê nhà	100.000 đồng/người/ngày x 1 người x 10 ngày	ngày	10	100.000	1.000.000
3	Phụ cấp lưu trú	70.000 đồng/người/ngày x 1 người x 10 ngày	ngày	10	70.000	700.000
4	Phương tiện đi lại	(45.000 + 30.000) đồng/chuyến	chuyến	2	75.000	150.000
Tổng chi phí (I+II+III)						3.160.000